

Bản án số: 34/2021/DS-PT  
Ngày: 17-12- 2021  
V/v tranh chấp về yêu cầu tuyên  
bố hợp đồng chuyển nhượng  
quyền sử dụng đất vô hiệu.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.

Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phạm Tổ Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2021/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2021/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2021/QĐXXPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị N; cư trú tại: Thôn N 1, xã p, huyện T, tỉnh Bình Định.

***Đại diện theo ủy quyền của bà N:*** Ông Nguyễn Minh H; cư trú tại: Thôn N 1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (Giấy ủy quyền ngày 11/8/2020) (có mặt).

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà N:*** Luật sư Hồ Thành Ph, hoạt động tại Văn phòng luật sư Thành Ph thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định (có đơn xin xét xử vắng mặt).

***- Bị đơn:***

1. Ông Đặng Thành L; cư trú tại: Tổ 4, khu vực 9, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị Ngọc Lê (chết năm 2014).

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê:*

2.1 Ông Đặng Thành L.

2.2 Anh Đặng Duy Ng.

2.3 Anh Đặng Quốc S.

Cùng cư trú tại: Tổ 4, khu vực 9, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Đại diện theo ủy quyền của anh Ng, S:* Ông Đặng Thành L (Giấy ủy quyền ngày 06/8/2020) (vắng mặt).

*- Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Trọng T; cư trú tại: Thôn N 1, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

2. Bà Võ Thị Hồng Qu; cư trú tại: Khu phố C, thị trấn Chí Thạnh, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên (vắng mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Ba; cư trú tại: Tổ dân phố số 5, thị trấn B, huyện B, tỉnh N (có mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Ch; cư trú tại: Hẻm 146 Trần Đại Ng, tổ 8, khu vực 8, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Mư; cư trú tại: Thôn Tr 1, Tr, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

6. Công ty TNHH Thành L; trụ sở tại: Số nhà 1560, đường Hùng Vương, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Đặng Thành L - Giám đốc (vắng mặt).

7. Ủy ban nhân dân phường D, thành phố Q; trụ sở tại: Số nhà 287, đường Lạc L Quân, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Đặng Thành Hổ - Chủ tịch.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Sơn B – Phó chủ tịch (Giấy ủy quyền ngày 01/9/2020) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

8. Anh Nguyễn Quốc Tr; cư trú tại: Số nhà 20/5, đường Gò Ô Mai, phường Bì, Quận 7, thành phố M(vắng mặt).

9. Anh Nguyễn Võ Quốc Tru; cư trú tại: Số 65-66, Khu Thương Mại dịch vụ Sóng Thần, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh B (vắng mặt).

*Người làm chứng:* Ông Nguyễn Xuân Ta: Thôn V1, Tr, huyện T, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ch là người có quyền lợi, Ng vụ liên quan trong vụ án.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Minh Hải, trình bày:*

Mẹ của bà tên là Trần Thị L1, chết năm 2007; cha của bà tên là Nguyễn S, chết năm 1993. Cha mẹ bà sinh được 06 người con gồm: Nguyễn Trọng T, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn S1, Nguyễn Thị Ba, Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị Mur. Ông Nguyễn Văn S1 chết N 2006. Ông S1 có vợ là Võ Thị Hồng Qu và có 02 người con gồm: Nguyễn Võ Quốc Tr, Nguyễn Võ Quốc Tru. Lúc còn sống, cụ Trần Thị L1 được hưởng thừa kế của cha mẹ ruột là cô Trần Yến (chết trước lúc sinh ông Nguyễn Trọng T) và cô Phạm Thị Ch (chết N 1980). Theo Bản phân thư ngày 01-9-1956, cha mẹ cụ bà L có phân chia cho cụ L thừa đất số hiệu 72 theo trích lục địa chính cũ (tục danh đất ông Chung) diện tích 07 sào đất trồng cây nông nghiệp hàng năm, hiện nay thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 3.328,46m<sup>2</sup> tọa lạc tại tổ 9, khu vực 6, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Đến ngày 05-5-2002, cụ Trần Thị L1 đã làm giấy cho đất với nội dung để lại toàn bộ diện tích đất vườn nêu trên cho đều tất cả 06 người con. Đến cuối năm 2019, vợ chồng ông Đặng Thành L, bà Trần Thị Ngọc Lê đến đòi đất và đưa ra 02 Giấy chuyển nhượng đất bờ vờ đang canh tác đề cùng ngày 09-6-2003, trong đó có dấu vân tay cụ bà L1 và chữ ký của ông T, bà Mur. Khi biết thông tin này, bà Qu, bà Ba, bà Ch đã ủy quyền cho bà khiếu nại đến Ủy ban nhân dân phường D để giải quyết tranh chấp với ông L, bà Lê. Qua nhiều lần hòa giải tại phường, ông L, bà Lê vắng mặt nên không thể hòa giải được. Trong 02 Giấy chuyển nhượng đất bờ vờ đang canh tác đề cùng ngày 09-6-2003, bà chỉ thấy có một bản Chh giấy chuyển nhượng đất cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thành L (sau đây viết tắt là Công ty Thành L) do bà Trần Thị Ngọc Lê làm giám đốc ký tên, có đóng dấu vân tay của cụ L1 bằng mực màu xanh đen, có chữ ký của ông T, chữ ký và điểm chỉ của bà Mur bằng mực màu đỏ và lời ghi đã nhận đủ tiền. Giấy chuyển nhượng còn lại ghi chuyển nhượng đất cho ông Đặng Thành L chỉ là bản phô tô, không có bản chính và ông T, bà Mur đều khai không phải là giấy chuyển nhượng do họ ký, cho nên việc chuyển nhượng đất theo giấy này là không có thật. Theo giấy chuyển nhượng đất cho Công ty Thành L, diện tích chuyển nhượng là 3.000m<sup>2</sup>, đối chiếu với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại tổ 9, khu vực 6, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Thửa đất này là có phần của cha bà, là tài sản chung chưa chia nên nếu chuyển nhượng phải được cả 06 người con trong gia đình cùng ký thì mới đúng quy định. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu 02 giấy chuyển nhượng này, đồng thời buộc vợ chồng ông L, bà Lê phải trả lại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 3.000 m<sup>2</sup> để cho các anh, chị, em của bà được trọn quyền sử dụng, ai đã nhận tiền chuyển nhượng đất thì phải trả lại tiền cho ông L, bà Lê, bà không chấp nhận hoàn trả chi phí đầu tư nâng nền của ông L vì đó là việc ông L tự thực

hiện trái với pháp luật. Bà không chấp nhận khoản tiền hương khói cho cụ L1 10.000.000 đồng từ phía ông L.

*Bị đơn ông Đặng Thành L, đồng thời là đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thành L và là đại diện theo ủy quyền của anh Đặng Duy Ng, anh Đặng Quốc S, trình bày:*

Trước đây, Công ty Thành L do bà Trần Thị Ngọc Lê (vợ của ông) làm giám đốc. Bà Lê chết N 2014. Công ty có mua đất của cụ Trần Thị L1, thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 3.000 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại tổ 9, khu vực 6, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định theo Giấy chuyển nhượng đất bờ vờ đang canh tác đề ngày 09-6-2003; cụ L1 có ký, điểm chỉ. Nguyên phần đất này bà L1 được thừa hưởng của mẹ là cô Phạm Thị Chi theo Bản phân thư ngày 01-9-1956; cụ L1 đã cho ông Nguyễn Văn S1 nhưng ông S1 đau bệnh không về được nên ông S1 và bà Ba đã ủy quyền cho bà Mư toàn bộ quyền sử dụng và bán đất để chữa bệnh cho mẹ lúc đau ốm. Sau khi mua, công ty đã cải tạo, san ủi, xây hàng rào, dựng trụ bê tông; thực hiện theo lời hứa với cụ L, ông có cắt cho bà Nguyễn Thị Ch 245m<sup>2</sup> đất vì bà Ch không có chồng và cũng không có nơi ở ổn định, bà Ch đã nhận và bán L cho ông Trần Phi L. Sau khi ông san lấp đất bằng phẳng và chuẩn bị làm dự án nhà máy gạch ngói thì bà Ch đã khởi kiện để đòi lại đất và Tòa án đã giải quyết trả lại đơn khởi kiện cho bà Ch. Trên phần đất tranh chấp, ông có cho cháu của ông là Trần Phi L mượn mặt bằng để đổ than, không cho thuê hay thu phí gì cả và ông không yêu cầu đưa ông L vào tham gia tố tụng. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N vì: Trước đây có sự việc Công ty Bia Q yêu cầu thu hồi đất, ông đã nhiều lần khiếu nại đến các ngành, các cấp, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã đình chỉ việc thu hồi và giải quyết đất cho ông trong đó có phần đất mà Công ty Thành L đã nhận chuyển nhượng từ cụ L1; đất này là của mẹ cụ L1 phân chia cho cụ L1 chứ không phải là Ta sản của cụ L1 và chồng cụ L1 gầy dựng, theo luật định thì cụ L1 được quyền sử dụng, định đoạt chứ các con của cụ L1 không có quyền hạn gì. Vì tình cảm ông xin gửi 10.000.000 đồng để hương khói cho cụ L1 và ông tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 16.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng T trình bày:*

Ông thống nhất như lời khai của bà Nguyễn Thị N về mối quan hệ huyết thống trong gia đình. Lúc còn sống, ông bà ngoại ông có phân chia cho cha mẹ ông khoảng 07 sào đất trồng mía đường – Tục danh là Gò Lôi nhưng sau đó cha mẹ ông đã đưa vào hợp tác xã, có Bản phân thư năm 1956 theo Trích lục địa bộ của Nam Tru Kỳ Chánh phủ. Phần đất tranh chấp vốn dĩ là bờ tre nằm dọc sông Hà Thanh được cha mẹ ông khai vờ từ năm 1967, không đưa vào hợp tác xã vì là đất bờ vờ, được sử dụng để trồng mì, rau cải, có Đơn xin bờ vờ đất đề ngày 15-9-1982. Các thửa đất này trước đây thuộc thôn Thế Bàng, xã Phước L, huyện T, nay thuộc tổ 9, khu vực 6, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Phần ông bà ngoại ông phân thư cho cha mẹ ông nằm liền kề với đất bờ vờ. Khi còn sống, cha mẹ ông không có tặng cho hay để thừa kế quyền sử dụng đất đó cho ai. Hồi giờ ông không

biết, không thấy có giấy cho đất của cụ Trần Thị L1 lập ngày 05-5-2002. Ông có biết ông Nguyễn Đình Nh là Đội trưởng Đội sản xuất, ông không biết bà Nguyễn Thị Xuân H, ông Nguyễn Văn Nhi, bà Trần Thị Kim Tha là ai. Lúc còn sống, mẹ ông ở với bà Mur, mọi việc đều do bà Mur chăm lo, mẹ ông có chuyển nhượng đất cho Công ty Thành L do bà Trần Thị Ngọc Lê làm giám đốc theo Giấy chuyển nhượng đất bờ vờ đang canh tác ngày 09-6-2003, diện tích chuyển nhượng là 3.000m<sup>2</sup>, thuộc phần đất cha mẹ ông đã khai vờ. Lúc đó, bà Mur thông báo với anh em giá bán là 60.000.000 đồng, nhưng đến giờ ông mới biết giấy chuyển nhượng đất ghi 70.000.000 đồng. Ông xác nhận ông có ký tên, cụ L1 có điểm chỉ bằng mực xanh đen, bà Mur có ký tên và điểm chỉ bằng mực đỏ và ghi đã nhận đủ tiền vào giấy chuyển nhượng đất nêu trên. Ông ký tên tại nhà ông ở thôn N 1, xã P, huyện T do bà Mur mang giấy chuyển nhượng đến. Giấy chuyển nhượng giao cho bà Lê 01 bản còn 01 bản giao cho bà Mur giữ. Ông không có giữ giấy tờ gì về đất của cha mẹ ông. Số tiền chuyển nhượng được mẹ ông chia cho các con (06 người) mỗi người 3.000.000 đồng; bà N, bà Ba, bà Ch, bà Mur đều đã nhận đủ, riêng ông và ông S1 không nhận mà giao L cho bà Ba giữ, sau này bà Ba có giao L cho ông để sửa lại nhà từ đường theo ý nguyện của mẹ ông. Giấy chuyển nhượng đất bờ vờ đang canh tác ngày 09-6-2003 có bên chuyển nhượng cụ Trần Thị L1, bên nhận chuyển nhượng ông Đặng Thành L mà Tòa đưa ông xem không phải do ông ký tên, không phải chữ ký họ tên của ông và bà Mur, giấy này không có thật. Nay ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông ký giấy chuyển nhượng đất cho bà Lê là đúng, ông L có quyền sử dụng. Ông là người trực tiếp lo hương khói cho cụ L1, ông không nhận số tiền 10.000.000 đồng theo như ý kiến của ông L.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch trình bày:*

Bà thống nhất về mối quan hệ huyết thống gia đình như bà N, ông T trình bày. Bà cũng thống nhất về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, chuyển nhượng phần đất tranh chấp như lời trình bày của nguyên đơn. Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ba trình bày:*

Bà thống nhất về mối quan hệ huyết thống gia đình như bà N, ông T trình bày. Bà cũng thống nhất về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, chuyển nhượng phần đất tranh chấp như lời trình bày của nguyên đơn. Nay bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng Qu trình bày:*

Bà Thống nhất về quan hệ huyết thống của gia đình như nguyên đơn trình bày, chồng bà là ông Nguyễn Văn S1 (chết năm 2006), cha chồng của bà tên là Nguyễn Sang (chết năm 1983), mẹ chồng của bà tên là Trần Thị L1, (chết năm 2007). Vợ chồng bà có 02 người con là: Nguyễn Võ Quốc Tr, Nguyễn Võ Quốc Tru. Cha mẹ chồng bà có để lại di chúc hay tặng cho tài sản cho ai không thì bà không rõ. Giữa cụ L1 và ông S1 có tặng cho đất hay không thì bà không biết, ông S1 có giao các giấy tờ về nguồn gốc đất cho bà Mur nhưng không có làm giấy ủy quyền. Về nguồn gốc, kê khai, sử dụng thửa đất số 06, tờ bản đồ số 15, bà không

rõ. Việc chuyển nhượng đất như thế nào thì bà cũng không rõ, sau này bà chỉ nghe nói lại. Bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N, nhưng bà không có yêu cầu độc lập, nếu sau này phát sinh tranh chấp thì bà sẽ khởi kiện sau. Vì bà ở xa, không có điều kiện đi lại nên bà yêu cầu Tòa án căn cứ vào lời khai này để giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mư trình bày:*

Bà thống nhất về mối quan hệ huyết thống gia đình như bà N, ông T trình bày. Bà cũng thống nhất về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất, chuyển nhượng phần đất tranh chấp như lời trình bày của ông T. Bà là người trực tiếp nhận đủ số tiền chuyển nhượng đất 70.000.000 đồng nêu trên và giao lại toàn bộ cho mẹ bà. Giấy chuyển nhượng giao cho bà Lê 01 bản còn 01 bản bà giữ nhưng đã làm mất. Bà không có giữ giấy tờ gì về đất của cha mẹ bà. Số tiền chuyển nhượng được mẹ bà chia cho các con (06 người) mỗi người 3.000.000 đồng, bà N, bà Ba, bà Ch và bà đều đã nhận đủ, riêng ông T và ông S1 không nhận mà giao L cho bà Ba giữ, sau này bà Ba đã giao lại cho ông T để xây dựng nhà từ đường phía nội. Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì mẹ bà đã đứng ra trực tiếp bán.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường D ông Trần Sơn B trình bày:*

Về nguồn gốc đất tranh chấp là đất màu cá thể của ông Nguyễn S và bà Trần Thị L ở thôn H, huyện T sử dụng từ năm 1982. Ngày 09-6-2003, cụ L1 cùng 02 người con là ông Nguyễn Trọng T và bà Nguyễn Thị Mư chuyển nhượng lại cho bà Trần Thị Ngọc Lê bằng giấy viết tay, không được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và diện tích nhận chuyển nhượng là 3.000m<sup>2</sup>. Trong quá trình sử dụng, ông L đã xây dựng móng đá chẻ và trồng trụ bê tông trên phần diện tích nhận chuyển nhượng và phần diện tích do Ủy ban nhân dân phường quản lý nhưng không có giấy phép của cấp có thẩm quyền, nên ngày 08/4/2009 Đội kiểm tra trật tự đô thị thành phố Q, phối hợp với Ủy ban nhân dân phường D lập biên bản vi phạm hành Chh đối với ông Đặng Thành L và Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 45/QĐ-XPHC đối với ông Đặng Thành L, phạt tiền 600.000 đồng, ông L đã chấp hành nộp phạt, từ đó đến nay vẫn chưa tháo dỡ phần xây dựng không phép. Tháng 02-2020, ông L nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Theo bản vẽ đo đạc thực địa của Văn phòng Đăng ký đất đai Chi nhánh Q thì đất có diện tích 6.868m<sup>2</sup>, (trong đó có 3.535,9m<sup>2</sup> nằm ngoài hồ sơ kỹ thuật thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15 là đất do ông L lấn chiếm đất bãi bồi ven sông) (theo Thông báo số 25/TB-UBND ngày 28/02/2020 của Ủy ban nhân dân phường về việc niêm yết danh sách công khai nguồn gốc sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ủy ban nhân dân phường đề nghị Tòa án căn cứ quá trình sử dụng ổn định của ông Đặng Thành L từ năm 2003 (nhận chuyển nhượng từ cụ L1 và 02 người con của bà L2) để xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan anh Nguyễn Võ Quốc Tru trình bày:*

Về quan hệ huyết thống gia đình như lời khai của bà N, ông T. Lúc còn sống bà nội anh (cụ Trần Thị L1) được hưởng thừa kế của ông bà cố anh để lại là thửa đất số hiệu 72 theo trích lục địa Chh cũ (tục danh đất ông Chung), diện tích 7 sào để trồng cây nông nghiệp hàng năm, hiện nay thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ 15 tọa lạc tại tổ 4, khu vực 6, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định. Vị trí tiếp giáp: Phía Đông giáp khu tập thể cựu chiến binh; phía Tây giáp giếng nước nhà máy nước sạch; phía Nam và phía Bắc giáp Công ty thức ăn gia súc Con Heo Vàng sát bờ sông Hà Thanh. Thửa đất hiện trạng là bãi đất trống thuộc bờ vỡ, đất cá thể không nộp thuế sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân phường xác nhận nên không đăng ký tại sổ bộ, sổ mục kê, hợp tác xã đối với hộ gia đình khi cụ L1 được hưởng thừa kế của cha mẹ ruột. Vì ngày trước anh còn nhỏ nên anh không biết gì về việc tặng cho thửa đất nêu trên giữa cụ L1 với 06 người con theo Giấy cho đất ngày 05-5-2002. Anh cũng không hay biết gì về việc chuyển nhượng thửa đất nêu trên giữa cụ L1 với Công ty Thành L do bà Trần Thị Ngọc Lê làm giám đốc đại diện và giữa bà L với ông Đặng Thành L theo 02 Giấy chuyển nhượng đất bờ vỡ đang canh tác đề ngày 09-6-2003. Anh cũng hoàn toàn không biết khi cha anh còn sống có được bà nội tặng cho nhà đất hay không, nhưng anh xác định cha anh không có để lại di chúc. Đối với việc bà Nguyễn Thị N khởi kiện, anh không có ý kiến gì đối với phần diện tích đất đang tranh chấp nêu trên, trường hợp Tòa án phân chia di sản thừa kế của cụ Trần Thị L1 theo quy định của pháp luật thì anh xin nhận kỷ phần thừa kế của mình. Vì anh sinh sống và làm việc ở xa, đi lại khó khăn nên anh yêu cầu được vắng mặt trong các buổi làm việc, phiên họp, xét xử tại Tòa án.

*Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan anh Nguyễn Võ Quốc Tr trình bày:* Nội dung lời khai của anh Tr thống nhất với lời khai của anh Nguyễn Võ Quốc Tru.

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2021/DS-ST ngày 23 tháng 7 N 2021 của Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh Bình Định đã quyết định:*

- Không chấp nhận việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu: Tuyên bố vô hiệu giấy chuyển nhượng đất bờ vỡ đang canh tác đề ngày 09/6/2003 giữa cụ Trần Thị L1 và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thành L; buộc vợ chồng ông Đặng Thành L, bà Trần Thị Ngọc Lê phải trả lại thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 3.000m<sup>2</sup>, tọa lạc tại tổ 9, khu vực 6, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định để cho các anh, chị, em của bà được trọn quyền sử dụng.

- Tuyên bố giấy chuyển nhượng đất bờ vỡ đang canh tác đề ngày 09/6/2003 giữa bà Trần Thị L và Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thành L có hiệu lực pháp luật.

- Tuyên bố giấy chuyển nhượng đất bờ vỡ đang canh tác đề ngày 09/6/2003 giữa bà Trần Thị L1 và ông Đặng Thành L không có giá trị pháp lý.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 03/8/2021, bà Nguyễn Thị N kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Bản án sơ thẩm số: 228/2021/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà.

- Ngày 13/8/2021, bà Nguyễn Thị Ch Kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bỏ việc sang nhượng đất giữa cụ Trần Thị L và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Thành L.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị N gửi Bản luận cứ đến Tòa, đề nghị Hội đồng xét xử HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà N tuyên bố 02 Giấy chuyển nhượng đất vỡ bờ đang canh tác ngày 09/6/2003 vô hiệu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Ch. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2021/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Ch, HĐXX thấy rằng:

[1.1] Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 15, diện tích 3.328,46m<sup>2</sup> (trước đây là thửa đất số hiệu 72 theo trích lục địa chính cũ (tục danh vườn trên) diện tích 07 sào đất trồng cây nông nghiệp hàng năm), tọa lạc tại tổ 9, khu vực 6, phường D, thành phố Q, tỉnh Bình Định có nguồn gốc là của vợ chồng cố Trần Yên (chết trước lúc sinh ông Nguyễn Trọng T) và cố Phạm Thị Chỉ (chết năm 1980) phân chia cho cụ Trần Thị L. Bản phân thư ngày 01-9-1956 ghi rõ: “...*VI phần ăn của Trần Thị L: Một khoảnh đất tục danh “vườn trên” số hiệu 72 diện tích 7 sào...tọa lạc tại thôn Thử Bàng, xứ L Thạch, bản đồ 1 xã Phước L, ghi chú y như trích lục...*”. Ngày 05/5/2002, cụ L làm Giấy cho đất 06 người con thể hiện: “...*Còn đám đất có số hiệu 72 diện tích 07 sào tọa lạc tại làng Ngọc Thạch, xứ L Thạch, thôn thử Bàng, xã Phước L...Tôi được ký nhận phần đám đất nói trên thuộc mục VI trang 3...*”. Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định quyền sử dụng thửa đất nói trên là tài sản riêng của cụ L1 nên cụ L1 có toàn quyền định đoạt (chuyển nhượng). Do đó, các bà Nguyễn Thị N, Nguyễn Thị Ch kháng cáo cho rằng cha các bà là cụ Nguyễn S (chết năm 1983) có phần trong thửa đất này là không có căn cứ.

[1.2] Về các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Ông Đặng Thành L đưa ra 02 Giấy chuyển nhượng đất vỡ bờ đang canh tác cùng được xác lập ngày 09-6-2003, nhưng chỉ có 01 giấy chuyển nhượng đất từ cụ Trần Thị L1 cho Công ty Thành L là có bản gốc được ông Nguyễn Trọng T, bà Nguyễn Thị Mư và người làm chứng là ông Nguyễn Xuân Ta thừa nhận, còn giấy chuyển nhượng đất từ cụ L cho ông Đặng Thành L thì chỉ là bản photocopy và cũng không được phía nguyên



đơn cũng như những người có quyền lợi, Ng vụ liên thừa nhận nên giấy này không có giá trị pháp lý. Mặc dù Hợp đồng chuyển nhượng đất bờ vờ đang canh tác được các bên thừa nhận, có vi phạm về mặt hình thức theo quy định tại các Điều 691, 692, 693, 707 của Bộ luật Dân sự năm 1995 vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được UBND cấp có thẩm quyền chứng thực. Tuy nhiên, thửa đất này đã được Chh quyền cũ xác nhận chủ sử dụng thông qua Bản trích lục địa bộ và Bản phân thơ ngày 01-9-1956. Hơn nữa, bên chuyển nhượng đất là cụ L1 đã nhận đủ tiền và các con của cụ L1 cũng đã nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất do cụ L1 chia và bên nhận chuyển nhượng đất là vợ chồng ông L cũng đã đầu tư cải tạo, xây dựng công trình kiên cố trên toàn bộ diện tích đất nên theo quy định tại điểm b tiểu mục 2.3 mục II Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 167 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 129 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa cụ Trần Thị L1 không bị vô hiệu do vi phạm các điều kiện về hình thức nói trên. Do đó, kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Ch là không có cơ sở.

[2] Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Ch. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2021/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Q.

[3] về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 2 của Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà Nguyễn Thị N được miễn, bà Nguyễn Thị Ch phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị N của Luật sư là không phù hợp với nhận định của HĐXX nên không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm cũng như về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015; Điều 2 của Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị N và bà Nguyễn Thị Ch.

**2.** Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 228/2021/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Q.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N được miễn. Bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu số: 0003827 ngày 30 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Bà Ch đã nộp đủ án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TP.Q;
- CCTHADS TP. Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

Bản án số: 31/2021/DS - PT  
Ngày: 14-12- 2021  
V/v tranh chấp chia di sản  
thừa kế và đòi L Ta sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân.  
Ông Phan Minh Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyên Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:**  
Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 N 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2021/TLPT-DS ngày 16 tháng 3 N 2021 về tranh chấp chia di sản thừa kế và đòi L Ta sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 13 tháng 01 N 2021 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 N 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Thúy Mai; cư trú tại: Số nhà 28 đường 295, khu phố 3, phường Tân Phú, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Trương Ngọc Cường; cư trú tại: Xóm Thọ Quý, thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Cường:* Luật sư Nguyễn Trần Phương Thảo hoạt động tại Văn phòng luật sư Nguyễn Trần thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Định (có mặt).

**- Người có quyền lợi và Ng vụ liên quan:**

1. Bà Trương Thị Thúy Kiều; địa chỉ: Thôn Phú Mỹ, xã Hòa Đông, huyện Tây Hòa, Phú Yên; cư trú tại: F10/8K/12 Ấp 6, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo ủy quyền của bà Kiều:* Bà Trương Thị Thúy Triều; cư trú tại: Xóm Xuân Thạnh, thôn Nam Tượng 1, Nhơn Tân, TX An Nhơn, Bình Định (văn bản ủy quyền số: 2995 ngày 14/6/2019).

2. Bà Trương Thị Thúy Triều; cư trú tại: Xóm Xuân Thạnh, thôn Nam Tượng 1, Nhơn Tân, TX An Nhơn, Bình Định (có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Triều:* Luật sư Lê Văn Khanh hoạt động tại Công ty luật TNHH-MTV Sài Gòn-Q chi nhánh tại Thị xã An Nhơn (có mặt).

3. Bà Phan Thị Bích Lợi; cư trú tại: Xóm Thọ Quý, thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ, TX An Nhơn, Bình Định (có mặt).

4. Bà Lưu Thị An; cư trú tại: Xóm Phúc Mới, thôn Nam Tượng 3, xã Nhơn Tân, TX An Nhơn, Bình Định (vắng mặt).

5. Ông Trương Thanh Đông cư trú tại: Xóm Thọ Sơn, thôn Thọ Lộc 1, xã Nhơn Thọ, TX An Nhơn, Bình Định (vắng mặt).

Người kháng cáo: Ông Trương Ngọc Cường là bị đơn trong vụ án.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Trương Thị Thúy Mai trình bày:*

Cha bà tên Trương Thanh Liêm (chết N 2014) mẹ bà tên Lưu Thị Hoa (chết N 2018). Cha mẹ bà có 04 người con gồm: Trương Ngọc Cường, Trương Thị Thúy Mai, Trương Thị Thúy Kiều, Trương Thị Thúy Triều.

Di sản của cha mẹ bà để L là 01 ngôi nhà cấp 4 xây N 1991 sau đó mấy N có xây nối thêm ở phía sau 1 phòng ở và 1 phòng bếp được xây trên đất thừa số 1330B tờ bản đồ số 4, diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở và 1108m<sup>2</sup> đất vườn, tọa lạc tại thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định do ông bà nội cho cha bà Trương Thanh Liêm. Trên đất còn có ngôi nhà cấp 4 của ông Trương Ngọc Cường do cha mẹ chỉ cho đất để xây nhà (xây N nào bà không nhớ); 01 thửa đất ruộng số 1300, tờ bản đồ số 04 diện tích 964m<sup>2</sup>; thửa đất ruộng số 1254, tờ bản đồ số 04 diện tích 608m<sup>2</sup>; thửa đất màu số 692, tờ bản đồ số 09 diện tích 1.344m<sup>2</sup>; thửa đất số 1097, tờ bản đồ số 4 diện tích 540m<sup>2</sup> đã được nhà nước thu hồi đền bù lúc mẹ bà còn sống đã nhận nên không có yêu cầu gì về thửa đất này. Đất đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Trương Thanh Liêm. Hiện ông Cường đang quản lý nhà đất và canh tác ruộng, đất màu.

Ngoài ra, cha mẹ bà còn để L một số Ta sản khác như: Số keo lai khi còn sống mẹ bà trồng trong vườn, khi mẹ mất ông Cường bán được khoảng 14.000.000 đồng. Lúa khoảng 20 bao, không biết là bao nhiêu kg, giá lúc khoảng 5.600 đồng/kg bán được khoảng 7.000.000 đồng, 01 con heo nái và 10 con heo con, lúc mẹ mất heo mới sinh nên chị em bà nuôi sau đó bán được 7.000.000 đồng trả tiền cám 2.500.000 đồng, còn L 4.500.000 đồng. Số tiền này bà nuôi bà Triều sinh nên không còn (vì Triều sinh con so nếu còn sống mẹ bà phải nuôi đẻ); 01 xe máy Drem lùn BKS 77 S7-6737 đứng tên cha Trương Thanh Liêm, hiện chiếc xe này bà đang quản lý, chiếc xe này đã cũ không còn giá trị bà sẽ đem về giao cho ông Cường; ông Cường bán 01 con bò mẹ và 01 con bò con được 20.000.000 đồng. Khi mẹ bà còn sống có cho bà Triều 01 con nghé con để bà Triều nuôi làm của hồi môn ông Cường cũng biết. Ông Cường không có trồng keo, toàn bộ số keo sau vườn nhà là của mẹ bà, khi mẹ bà còn sống, ông Cường giành số keo này chặt phá chửi mẹ, khi mẹ mất ông Cường đã bán số keo sau nhà, theo bà tìm hiểu thì bán được khoảng 14.000.000 đồng. Khi nhà nước thu hồi ruộng có đền bù cho mẹ 60.000.000 đồng, cho các anh em mỗi người 5.000.000 đồng. Bà, bà Triều, bà Kiều mỗi người nhận 5.000.000 đồng còn ông Cường không nhận. Sau đó ông Cường lên mượn mẹ 25.000.000 đồng nhưng chưa trả.

Nay bà yêu cầu chia thừa kế: Ông Cường được quyền sở hữu ngôi nhà do vợ chồng ông xây dựng và phần đất có nhà ở của vợ chồng ông, đồng thời được quyền sử dụng thửa ruộng 1254 diện tích 608m<sup>2</sup>, ba chị em bà được quyền sở hữu chung toàn bộ nhà ở và công trình phụ của cha mẹ trên thửa đất 1330B, tờ bản đồ số 4. Ranh giới giữa hai nhà từ trước ra sau theo hướng Nam Bắc. Thửa đất ruộng số 1300, tờ bản đồ số 04, diện tích 964m<sup>2</sup> và thửa đất màu số 692, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.344 m<sup>2</sup>. Người nhận di sản có giá trị lớn hơn sẽ thôi tiền chênh lệch cho người nhận di sản có giá trị thấp hơn. Về tiền, yêu cầu ông Cường trả L 20.00.000 đồng để chia (ông Cường mượn mẹ 25.000.000đ chưa trả và được trừ 5.000.000 đồng còn phải giao L 20.000.00 đồng). Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác. Bà rút L một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà Lưu Thị An và ông Trương Thành Đông mỗi người phải trả 2 chỉ vàng và không yêu cầu tính giá trị chuồng heo vì không còn giá trị. Đất trong hành lang bảo vệ đường dây điện 110KV mẹ bà đã nhận tiền đền bù xong.

*Bị đơn ông Trương Ngọc Cường trình bày:*

Ông thống nhất về quan hệ gia đình như bà Mai trình bày. Di sản của cha mẹ ông chết để L gồm: Nhà cấp 4 xây dựng N 1991 diện tích bao nhiêu m<sup>2</sup> ông không biết, đất vườn diện tích bao nhiêu m<sup>2</sup> ông cũng không rõ tọa lạc tại thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ. Nguồn gốc đất do ông nội Trương Dực và bà nội Ngô Thị Lý cho cha mẹ ông. Trên đất có ngôi nhà cấp 4 do vợ chồng ông xây dựng N 2009, lúc ông có vợ vì em đông nên cha mẹ cho đất xây dựng nhà nhưng chưa làm giấy tờ, 02 sào đất ruộng, 01 sào đất thổ đang trồng keo diện tích bao nhiêu m<sup>2</sup> ông không rõ vì toàn bộ giấy tờ do các em giữ. Hiện nhà đất đang tranh chấp ông đang ở, 02 sào ruộng ông đang canh tác, 01 sào đất thổ ông đang trồng keo. Phần đất nhà nước thu hồi mẹ ông nhận đã chia cho 3 người con gái ông không có phần. Ngoài

ra, còn có 1 xe Dream BKS 77S7-6737 đứng tên Trương Thanh Liêm hiện bà Mai đang quản lý giá 5.000.000 đồng, 35 bao lúa khoảng 1,7 tấn các bà Mai, Kiều, Triều mang đi, giá lúa thời điểm đó là 5.700 đồng/ ký, 01 con heo nái trị giá 4.500.000 đồng, 10 con heo con, mỗi con 10 ký giá 60.000 đồng/ký các bà Mai, Kiều, Triều lừa đi, 02 con bò cái và 01 con nghé con, ông giữ 01 con bò cái và 01 con nghé con bán được 20.000.000 đồng, số tiền này ông chi phí tuồn tui cho mẹ hết, còn bà Triều giữ 01 con bò cái 2 N tuổi đang có chửa trị giá 35.000.000 đồng. Khi mẹ còn sống có trồng một số cây keo sau nhà nhưng bị chết còn L một số cây, sẵn vợ chồng ông thu hoạch bán kèm theo khoảng hơn 1 Tr. Lúc cất nhà ông có mượn mẹ ông 25.000.000 đồng nhưng tháng 7/2018 ông đã trả xong chỉ 2 mẹ con biết. Lúc còn sống, mẹ ông có cho nhiều người mượn tiền nhưng cụ thể là ai, bao nhiêu tiền ông không biết. Ông bà nội có 3 người con trai được ông bà chia đất ở riêng. Hiện bác Lưu Thanh Hải đang ở từ đường tại thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ.

Ông có ý kiến là nhà đất của cha mẹ chết để L làm nhà từ đường thờ cúng cha mẹ ông là người quản lý, 02 sào ruộng và 01 sào đất màu giao cho ông canh tác để lấy tiền cúng giỗ. Những Ta sản khác các em mang đi ông không tranh chấp.

*Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan bà Trương Thị Thúy Kiều trình bày:*

Thống nhất về quan hệ gia đình và di sản của cha mẹ để L như bà Trương Thị Mai trình bày.

Tờ di chúc mẹ bà để L đã bị thất lạc mất, bà không yêu cầu nữa. Nay bà yêu cầu Tòa giải quyết chia di sản của cha mẹ để L là nhà và đất ở, đất vườn, đất ruộng, đất màu như bà Mai đã liệt kê cho 4 người con theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, bà yêu cầu ông Cường giao L số tiền mượn để chia. Không yêu cầu bà An và ông Đông trả vàng và không yêu cầu tính giá trị chuồng heo vì không còn giá trị. Đất trong hành lang bảo vệ đường dây điện 110KV mẹ bà đã nhận tiền đền bù xong.

*Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan bà Trương Thị Thúy Triều trình bày:*

Bà thống nhất như lời trình bày của bà Trương Thị Thúy Mai. Đồng ý yêu cầu tòa chia di sản của cha mẹ để L như bà Mai đã liệt kê, cho 4 người con theo quy định của pháp luật Ngoài ra bà không yêu cầu phân chia Ta sản nào khác.

Đất nằm trong hành lang bảo vệ đường dây điện 110KV đã được nhà nước đền bù, mẹ bà là người đứng ra nhận tiền lo để đám cưới cho bà nhưng bao nhiêu bà không biết.

*Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan bà Phan Thị Bích Lợi trình bày:*

Bà và ông Trương Ngọc Cường cưới nhau vào N 2008 sau khi cưới cha mẹ chồng có cho một khoảnh đất để vợ chồng cất nhà ở riêng (cho không có giấy tờ gì hết) đến N 2009 vợ chồng bỏ tiền ra để xây dựng nhà cấp 4 khoảng 50m<sup>2</sup>, chi phí xây dựng khoảng 90.000.000 đồng. Nhà có tứ cận, đông giáp nhà ông Thân Cường, tây giáp nhà cha mẹ, nam giáp đường đi, bắc giáp nhà ông Hòa. Nay có

tranh chấp di sản thừa kế bà thống nhất ý kiến của chồng, ngoài ra không còn ý kiến gì khác.

*Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn quyết định:*

Đình chỉ yêu cầu đòi nợ bà Lưu Thị An và ông Trương Thành Đông do bà Trương Thị Mai rút đơn yêu cầu.

Tiền bán keo lai trồng trong vườn sau nhà, 1 xe Dream BKS 77S7-6737 đứng tên Trương Thanh Liêm; Ba con bò gồm một con bò cái 2 con bê; Tiền bán lúa và tiền bán heo, cả nguyên đơn, bị đơn và người có liên quan không yêu cầu nên không xét.

Xác định di sản của vợ chồng ông Trương Thanh Liêm và bà Lưu Thị Hoa gồm: Nhà ở có giá 88.024.500 đồng, chuồng bò có giá 5.685.120 đồng, nhà vệ sinh có giá 11.373.516 đồng, giếng nước có giá 3.788.000 đồng. Tường rào cổng ngõ có giá 11.783.446 đồng. Diện tích đất có nhà ở thuộc thửa 1330B qua đo đạc thực tế là 1.921,2 m<sup>2</sup> được trừ 507,5m<sup>2</sup> đất nằm trong hành lang an toàn đường điện 110KV diện tích đất còn L 1.413,7m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 1.213,7 m<sup>2</sup> đất vườn). Đất ở có giá 114.000.000 đồng, đất vườn có giá 134.720.700 đồng. Thửa đất ruộng số 1254 có giá 41.344.000 đồng, thửa đất ruộng số 1300 có giá 65.552.000 đồng. Thửa đất màu số 692 có giá 91.392.000 đồng, cây bạch đàn trên đất có giá 22.200.000 đồng. Tổng cộng 589.863.282 đồng. Theo biên bản định giá ngày 27/7/2020.

Những người được quyền thừa kế di sản của ông Trương Thanh Liêm và bà Lưu Thị Hoa gồm những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất có 4 người là ông Trương Ngọc Cường, bà Trương Thị Thúy Mai, bà Trương Thị Thúy Kiều và bà Trương Thị Thúy Triều mỗi người được hưởng một kỷ phần ngang nhau bằng 147.465.820 đồng.

Lấy vách phía tây ngôi nhà do vợ chồng ông Trương Ngọc Cường- bà Phạm Thị Lợi làm ranh giới thẳng hướng từ nam ra bắc. Giao cho vợ chồng ông Trương Ngọc Cường – Phạm Thị Bích Lợi được quyền sở hữu ngôi nhà mà vợ chồng ông bà xây dựng vào N 2009; ông Trương Ngọc Cường được thừa kế 354,4 m<sup>2</sup> đất (778,6m<sup>2</sup> - 424,2m<sup>2</sup> đất nằm trong hành lang an toàn đường điện 110KV) ở phía đông, trong đó có 50m<sup>2</sup> đất ở có giá 28.500.000 đồng và 304,4m<sup>2</sup> đất vườn có giá 33.788.400 đồng theo giới cận: đông giáp đường đi, tây giáp nhà đất giao cho 3 chị em bà Mai, bà Kiều, bà Triều, nam giáp đường đi, bắc giáp thửa 1330A, tờ bản đồ số 4, tại thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ. Một thửa đất ruộng số 1300 diện tích 964m<sup>2</sup> có giá 65.552.000 đồng và 48,79m tường rào có giá 4.691.646đ. Tổng cộng 132.532.000 đồng.

Giao ngôi nhà cấp 4 do vợ chồng ông Liêm- bà Hoa xây dựng cho 3 chị em bà Trương Thị Thúy Mai, bà Trương Thị Thúy Kiều và bà Trương Thị Thúy Triều đồng sở hữu có giá 88.024.500 đồng, đồng sở hữu 1059,3m<sup>2</sup> đất (1142,6m<sup>2</sup> - 83,3m<sup>2</sup> nằm trong hành lang an toàn đường điện 110KV) ở phía tây, trong đó có

150m<sup>2</sup> đất ở có giá 85.500.000đ, 909,3m<sup>2</sup> đất vườn có giá 100.932.300 đồng có giới cận đông giáp nhà đất giao cho vợ chồng ông Cường – bà Lợi, tây giáp lối đi, Nam giáp đường đi, bắc giáp thửa 1330A tờ bản đồ số 4, tại thôn Thọ Lộc 2, xã Nhơn Thọ; đồng sở hữu một chuồng bò có giá 5.685.120 đồng, một nhà vệ sinh có giá 11.373.516 đồng, một giếng nước có giá 3.788.000 đồng. Đồng sử dụng thửa ruộng số 1254 tờ bản đồ số 4 có giá 41.344.000 đồng; một thửa đất màu số 692 tờ bản đồ số 9 diện tích 1344m<sup>2</sup> có giá 91.392.000 đồng, cây bạch đàn trên đất có giá 22.200.000 đồng và 73,75m tường rào có giá 7.091.800 đồng. Tổng cộng 457.331.236 đồng.

Ba chị em bà Trương Thị Thúy Mai, bà Trương Thị Thúy Kiều và bà Trương Thị Thúy Triều được hưởng tổng cộng 442.397.460đ. Buộc bà Mai, bà Kiều, bà Triều phải thôi L cho ông Trương Ngọc Cường 14.933.776 đồng tiền chênh lệch được chia riêng bà Mai, bà Kiều và bà Triều mỗi người phải giao L cho ông Cường 4.978.000 đồng.

Về tiền mượn: Các bên thống nhất là ông Trương Ngọc Cường có mượn bà Lưu Thị Hoa 25.000.000 đồng chưa trả, trừ cho ông Cường 5.000.000 đồng số còn L 20.000.000 đồng. Số tiền được chia đều cho 4 người ở hàng thừa kế thứ nhất là ông Trương Ngọc Cường, bà Trương Thị Thúy Mai, bà Trương Thị Thúy Kiều và bà Trương Thị Thúy Triều, mỗi người một phần ngang nhau là 5.000.000 đồng, như vậy ông Cường phải giao cho bà Mai, bà Kiều, bà Triều mỗi người 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/3/2021, bị đơn ông Trương Ngọc Cường kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết L toàn bộ bản án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Trần Phương Thảo trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Trương Ngọc Cường: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) hủy bản án sơ thẩm.

Luật sư Lê Văn Khanh trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, Ng vụ liên quan bà Trương Thị Thúy Triều: Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia 413,3m<sup>2</sup> đất nằm trong hành lang an toàn đường dây điện 110kv cho ông Cường, bà Mai, bà Kiều, bà Triều vì cấp sơ thẩm không giải quyết đối với diện tích đất này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Trương Ngọc Cường. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn giải quyết L theo thủ tục sơ thẩm.



## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX phúc thẩm nhận định:

[1] Xét kháng cáo của ông Trương Ngọc Cường, HĐXX thấy rằng:

[1.1] Theo Công văn số: 6027/BĐPC-TTBV&PC ngày 01/10/2021 về việc cung cấp thông tin bồi thường, GPMB của hộ gia đình ông Trương Thanh Liêm của Công ty Điện lực Bình Định, thì ngày 26/7/2017 UBND thị xã An Nhơn đã ban hành Quyết định số: 3574/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ mặt bằng để xây dựng công trình nâng cấp đường dây điện 110KV Q-Nhơn Tân-Đồn Phó. Ngày 26/6/2018 UBND thị xã An Nhơn đã ban hành Quyết định số: 3873/QĐ-UBND về việc thu hồi 92,2m<sup>2</sup> đất của hộ ông Trương Thanh Liêm. Tổng cộng tiền bồi thường là: 37.407.700 đồng, bà Lưu Thị Hoa đã nhận. Như vậy, trong diện tích 507,5 m<sup>2</sup> đất nằm trong hành lang an toàn đường dây điện 110KV, Nhà nước chỉ thu hồi của hộ ông Liêm 92,2m<sup>2</sup>, còn L 413,3m<sup>2</sup> hộ ông Liêm vẫn được tiếp tục sử dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 157 Luật đất đai 2013. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không xác minh, thu thập chứng cứ và cũng không giải quyết chia thừa kế đối với diện tích đất nói trên. Việc cấp sơ thẩm không chia thừa kế đối với diện tích đất này là không đúng quy định của pháp luật, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được nên phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn giải quyết L vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Kháng cáo của ông Trương Ngọc Cường là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[1.2] Ngoài ra cấp sơ thẩm còn có một số thiếu sót cần rút kinh nghiệm như sau: Nguyên đơn có 02 yêu cầu là chia thừa kế và đòi L Tài sản, nhưng cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp chia di sản thừa kế là bỏ sót 01 quan hệ pháp luật. Cấp sơ thẩm chia thừa kế diện tích đất tăng thêm 613,2m<sup>2</sup>, nhưng không xác minh, thu thập chứng cứ diện tích đất này hiện do ai quản lý, có nằm trong quy hoạch hay không, có tranh chấp hay không là có thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ và chứng minh theo quy định tại Chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Theo quy định tại khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự thì án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết L vụ án và ông Trương Ngọc Cường không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết L vụ án.

[3] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trương Ngọc Cường của Luật sư Nguyễn Trần Phương Thảo là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận

[4] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Trương Thị Thúy Triều của Luật sư Lê Văn Khanh là không có căn cứ nên không được HĐXX chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự N 2015.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận kháng cáo của ông Trương Ngọc Cường. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2021/DS-ST ngày 13/01/2021 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn.

**2.** Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết L vụ án.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả L cho ông Trương Ngọc Cường 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tiền Số: 0001551 ngày 08/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

**3.** Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn giải quyết L vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TX. An Nhơn;
- CCTHADS TX. An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tuấn

Nguyễn Thị Hoài Xuân

Võ Công Phương

**TÒA**

**THÀNH VIÊN HĐXX**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Thị Hoài Xuân

Phan Minh Dũng

Võ Công Phương

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : /2021/KDTM-ST

Ngày: - -2021

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vận  
chuyển hàng hóa theo vận đơn.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Công Phương.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thị Thúy Hồng.

2. Ông Ngô Thanh Lý.

***- Thư ký phiên toà : Bà Lê Nguyên Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.***

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày tháng N 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2017/TLST-KDTM ngày 21/11/2017 về tranh chấp hợp đồng vận chuyển hàng hóa theo vận đơn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2021/QĐXX-ST ngày 04/5/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn Duy Tuấn

*Đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Văn Thành – Giám đốc.

Địa chỉ: 32 Vũ Bảo, Tp. Q, tỉnh Bình Định

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty TNHH Duy Tuấn:* Luật sư Trần Thành, hoạt động tại Văn phòng luật sư Luật Thành thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần vận tải và giao nhận Đông Nam Á.

*Đại diện theo pháp luật:*

- Ông Đỗ Duy An – Giám đốc.

- Ông Phạm Dương Tùng – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Cùng địa chỉ: 12 Nguyễn Thị Định, Tp. Q, tỉnh Bình Định.

*Đại diện theo ủy quyền:* Ông Ngô Khắc Lễ (theo giấy ủy quyền số: 09-ST/GUQ ngày 12/7/2018)

Địa chỉ: 28 Lê Văn Hưu, P. Ngô Thì Nhậm, Q. Hai bà Trưng, TP. Hà Nội.

*Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan:* Công ty Vin Global Pte Ltd.

Địa chỉ: 138 Cecil Street, # 10-12, Cecil Court, Singapore 069538.

*Người đại diện:* Ông SAMIT BASU; Quốc tịch: Cộng Hòa Singapore.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Công ty TNHH Duy Tuấn - ông Phạm Văn Thành trình bày:*

Từ ngày 12/10/2016 đến ngày 07/11/2016, Công ty TNHH Duy Tuấn (Công ty Duy Tuấn) có gửi hàng cho Công ty Cổ phần vận tải và giao nhận Đông Nam Á (gọi tắt Công ty SeaTrans) để vận chuyển hàng hóa là gỗ từ Cảng Q đến cảng tại Ấn Độ bằng hình thức như sau: Căn cứ vào Booking Confirmation và Bookinh note (Phiếu xác nhận đặt chỗ của hãng tàu) do SEATRANS chuyển đến bằng

Email. Công ty Duy Tuấn đã đóng hàng vào con-ten-nơ tại bãi hàng ở Cảng Q và giao cho Công ty SeaTrans để chuyển sang Ấn Độ giao cho khách hàng. Khi tiếp nhận hàng xong, ngày 07/11/2016 Công ty SeaTrans đã cấp cho Công ty Duy Tuấn các bộ chứng từ là 05 Bộ vận đơn vận tải đa phương thức (mỗi vận đơn gồm 03 bản gốc) ở dạng chuyển nhượng được, theo mẫu vận đơn FBL của Liên đoàn các Hiệp hội Giao nhận Vận tải Quốc tế, phát hành theo hình thức “theo lệnh của người có tên trong chứng từ gốc”, 05 bộ vận đơn này đã được xác định rõ việc Công ty SeaTrans đã nhận số hàng hóa như được nêu trong các vận đơn, cụ thể:

1. Theo Vận đơn số STVN-161101 ngày 07/11/2016, ghi nhận hàng hóa gồm:

- Số lượng 02 Con-ten-nơ mang số hiệu FSCU8541227 và BSIU9213771;
- Khối lượng hàng hóa: 65,3744 CBM (khối) gỗ KERUING VENEER.

2. Theo Vận đơn số STVN-161102 ngày 07/11/2016, ghi nhận hàng hóa gồm:

- Số lượng 02 Con-ten-nơ mang số hiệu CBHU8260963 và TCNU9619434;
- Khối lượng hàng hóa: 65,7350 CBM (khối) gỗ KERUING VENEER.

3. Theo Vận đơn số STVN-161101 ngày 07/11/2016, ghi nhận hàng hóa gồm:

- Số lượng 05 Con-ten-nơ mang số hiệu PCIU8391010, PCIU8559905, PCIU8822924, DFSU6378809 và PCIU8722592;

- Khối lượng hàng hóa: 173,0569 CBM (khối) gỗ KERUING VENEER.

4. Theo Vận đơn số STVN-161107A ngày 07/11/2016, ghi nhận hàng hóa gồm:

- Số lượng 02 Con-ten-nơ mang số hiệu PCIU8753253 và PCIU8511820;
- Khối lượng hàng hóa: 66,6920 CBM (khối) gỗ KERUING VENEER.

5. Theo Vận đơn số STVN-161107B: 2914 Rol/106.1412 CBM:

- Số lượng 03 Con-ten-nơ mang số hiệu PCIU8581093, PCIU8585606 và PCIU8745469;

- Khối lượng hàng hóa: 106,1412 CBM (khối) gỗ KERUING VENEER.

Khi tiếp nhận hàng để chở, Công ty SeaTrans có Hóa đơn GTGT về việc thu các loại phí gồm: Phí xếp dỡ hàng, phí niêm chì và phí chứng từ tương ứng với từng bộ chứng từ. Sau khi gửi hàng và được Công ty SeaTrans cấp cho 5 bộ chứng từ nêu trên, ngày 30/11/2016, Công ty Duy Tuấn đã gửi Giấy đề nghị nhờ thu xuất khẩu kèm với bộ chứng từ gốc cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Ta để gửi thư đòi tiền đến Ngân hàng nước ngoài nhờ thu tiền các lô hàng xuất khẩu. Theo quy định các lô hàng xuất khẩu nêu trên của Công ty Duy Tuấn thuộc diện thanh toán ngay nhưng chờ lâu mà chưa nhận được tiền thanh toán. Vì vậy, để đề phòng rủi ro, Công ty Duy Tuấn đã đề nghị Công ty SeaTrans

phải giữ hàng L, chỉ được giải phóng hàng cho nhà nhập khẩu khi nào họ đã thanh toán để đổi lấy các bộ chứng từ. Ngày 06/12/2016, Công ty SeaTrans đã gửi Email yêu cầu Đại lý của Công ty SeaTrans ở nước ngoài là OMFREIGHT (gọi tắt là đại lý của Công ty SeaTrans) có nội dung: *“Phải thu hồi vận đơn gốc đầu tiên mà người gửi hàng là Duy Tuấn trước khi thực hiện chuyển đổi thành vận đơn thứ hai cho Vinglobal, và cũng phải thông báo/gửi cho chúng tôi Dự thảo Vận đơn chuyển đổi trước khi phát hành Vận đơn gốc cho người gửi hàng ở SIN. Ông/bà chỉ được phát hành vận đơn chuyển đổi gốc cho Vin Global sau khi nhận được sự xác nhận của chúng tôi”*. Sau khi nhận được Email của Công ty SeaTrans, ngày 07/12/2016 Đại lý của Công ty SeaTrans đã trả lời cho Công ty SeaTrans với nội dung *“ghi nhận thư dưới đây của ông/bà cẩn thận và sẽ tuân theo”*. Ngày 14/12/2016, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Ta đã gửi thông báo cho Công ty Duy Tuấn về nội dung điện gửi của Ngân hàng nước ngoài, thông báo rằng họ đang đợi người thanh toán tiền và đề nghị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Ta cho chỉ thị xử lý (nếu có). Ngày 13/01/2017, Công ty Duy Tuấn đã đề nghị Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Ta thông báo đến Ngân hàng nước ngoài: *“Đến hết ngày 17/01/2017 nếu nhà nhập khẩu không trả tiền, vui lòng gửi trả L bộ chứng thư (BCT) theo địa chỉ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Ta”*. Đến hết ngày 17/01/2017, nhà nhập khẩu đã không liên hệ với Ngân hàng nước ngoài để thanh toán tiền hàng, nên Ngân hàng nước ngoài đã chuyển trả L toàn bộ 05 bộ chứng từ nêu trên cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Ta, sau đó Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Ta đã chuyển trả cho Công ty Duy Tuấn. Công ty Duy Tuấn đã liên hệ với Công ty SeaTrans để yêu cầu kiểm tra các lô hàng của các bộ chứng từ nêu trên. Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra của Công ty Duy Tuấn, Công ty SeaTrans đã gửi nhiều Email cho Đại lý của Công ty SeaTrans, nội dung các Email của Công ty SeaTrans gửi cho Đại lý của Công ty SeaTrans đã cho thấy rằng: Mặc dù chưa thu hồi vận đơn gốc mà Công ty SeaTrans đã cấp cho Công ty Duy Tuấn theo yêu cầu Email gửi ngày 06/12/2016 nhưng Đại lý của Công ty SeaTrans đã cấp vận đơn chuyển đổi cho Công ty Vin Global (Công ty Vin) để nhận hàng. Vì vậy, ngày 22/02/2017 Công ty Duy Tuấn đã gửi Công văn yêu cầu số 1702/CVYC-DT yêu cầu Công ty SeaTrans kiểm tra và xác nhận về việc đã giao hàng cho người nhận hay chưa, nếu không trả lời trong hạn 05 ngày thì phải bồi thường. Cũng trong ngày 22/02/2017 Công ty SeaTrans đã gửi văn bản khiếu nại cho Đại lý của Công ty SeaTrans. Đến ngày 27/02/2017, Công ty Duy Tuấn đã gửi Công văn yêu cầu số 2202/CVYC-DT yêu cầu Công ty SeaTrans kiểm tra L việc bồi thường. Sau khi nhận được Công văn yêu cầu của Công ty Duy Tuấn, Công ty SeaTrans đã tiếp tục gửi thêm nhiều Email cho Đại lý của Công ty SeaTrans trong đó có nội dung sẽ khởi kiện đại lý của Công ty SeaTrans.

Theo phiên hòa giải ngày 23/01/2018, Công ty SeaTrans cho rằng họ đã giao hàng cho người đến nhận hàng chứ không phải hàng bị mất. Tuy nhiên khi Công ty SeaTrans giao hàng đã không thu hồi vận đơn. Theo hợp đồng ký ngày 01/7/2016,

giữa Công ty Duy Tuấn với Công ty Vin, việc thanh toán tiền hàng được thực hiện bằng hình thức DP (thanh toán đổi lấy chứng từ). Theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Bộ luật hàng hải Việt Nam thì “*Vận đơn là bằng chứng về sở hữu hàng hóa dùng để định đoạt, nhận hàng và là bằng chứng của hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển*”. Tại mặt trước của tờ vận đơn cũng đã ghi rõ “*Một trong những vận đơn gốc phải được thu hồi để đổi lấy hàng*”. Thế nhưng phía Công ty SeaTrans đã cố ý giao hàng cho người nhận hàng mà không thu hồi vận đơn nên Ngân hàng BIDV chi nhánh Phú Ta không thu hộ được tiền hàng cho Công ty Duy Tuấn.

Nay công ty TNHH Duy Tuấn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần Vận tải và Giao nhận Đông Nam Á phải bồi thường cho Công ty TNHH Duy Tuấn tổng giá trị hàng hóa bị thiệt hại là 386.369USD, quy đổi thành tiền **Việt Nam tại thời điểm xét xử là: đồng.**

*Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần vận tải và giao nhận Đông Nam Á ông Đỗ Duy An, ông Phạm Dương Tùng và người đại diện theo ủy quyền của ông An, ông Tùng - Ông Ngô Khắc Lễ trình bày:*

Vào khoảng tháng 11/2016, Công ty SeaTrans với vai trò là người giao nhận có thu xếp dịch vụ vận chuyển bằng đường biển lô hàng 41 con-tai-nơ cho Công ty Vin thông qua các phiếu xác nhận đặt chỗ của các hãng tàu: PIL, Maersk, COSCO và của Công ty SeaTrans với Công ty Vin. Sau khi hàng được xếp lên tàu tại Cảng Q, Công ty SeaTrans đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng và thu tiền của người xuất khẩu đối với các “*phí địa phương phải thu tại cảng bốc hàng*” như: Phí xếp dỡ hàng, phí niêm chì và phí chứng từ...là thực hiện theo Phiếu xác nhận đặt chỗ với khách hàng nước ngoài theo thông lệ hàng hải. Theo đó, với điều kiện bán F.O.B như trên Hợp đồng mua bán của Công ty Duy Tuấn thì người mua Công ty Vin chịu trách nhiệm thu xếp vận chuyển và thanh toán tiền cước tàu, còn người xuất khẩu (Công ty Duy Tuấn) phải chịu các phí địa phương phải thu tại cảng bốc hàng nói trên và các trách nhiệm phát sinh trước thời điểm hàng được xếp lên tàu. Qua đó cho thấy, Công ty SeaTrans hoàn toàn không ký Hợp đồng vận chuyển với Công ty Duy Tuấn nên Công ty Duy Tuấn không có cơ sở pháp lý để khiếu kiện Công ty SeaTrans.

Liên quan đến giá trị hàng hóa của 14 con-tai-nơ thuộc 05 bộ vận đơn mà Công ty Duy Tuấn đang yêu cầu thanh toán, Công ty SeaTrans đã liên hệ với Công ty Vin và được Công ty Vin cho biết, họ đã thanh toán đầy đủ số tiền hàng hóa nói trên và thậm chí còn thanh toán thừa một số tiền cho Duy Tuấn. Để làm rõ hơn vấn đề thanh toán này, ngày 02/12/2016, Công ty Vin đã gửi một thư điện tử cho ông Thành (Giám đốc Công ty TNHH Duy Tuấn) với nội dung: Nhắc L các điều khoản thỏa thuận của “Phụ lục Hợp đồng số 1” được ký ngày 26/12/2016. Phụ lục Hợp đồng này là bổ sung cho hợp đồng mua bán số DT-VIN- 002-2016-VN ký ngày 01/7/2016 giữa Công ty Duy Tuấn với Công ty Vin. Trong thư điện tử đó, Công ty Vin đã nêu rõ quá trình hợp tác của dự án Veneer tại Lào giữa Công ty Duy Tuấn với Công ty Vin, đồng thời còn đính kèm theo bảng kết toán sổ sách chi



tiết các khoản thu và chi liên quan đến lô hàng nói trên để chứng minh toàn bộ số tiền của giá trị hợp đồng đã được Công ty Vin thanh toán đầy đủ cho Công ty Duy Tuấn như theo thỏa thuận. Theo hồ sơ khiếu kiện của Công ty Duy Tuấn nộp cho Tòa còn thiếu “Phụ lục hợp đồng số 1” được ký ngày 26/12/2016, Phụ lục này là bộ phận không tách rời đối với Hợp đồng mua bán số DT-VIN-002-2016-VN được ký ngày 01/7/2016 giữa Công ty Duy Tuấn và Công ty Vin. Bản phụ lục hợp đồng này thể hiện khá chi tiết về thỏa thuận liên quan đến lô hàng 41 con-tai-nơ, số lượng 1.509,606 khối veneer, trị giá 1.395.680,87 USD, trong đó có 14 con-tai-nơ thuộc 05 bộ vận đơn mà Công ty Duy Tuấn đang đề cập đến. Cũng theo chứng từ do Công ty Vin cung cấp cho biết: Công ty Duy Tuấn đã nhận đủ số tiền hàng với mức bán thực tế xuất khẩu là 900USD/khối và 925USD/khối như theo thỏa thuận trên “Phụ lục hợp đồng số 1”. Mức giá bán thực tế này khác xa so với mức bán bình quân được nêu trong Hợp đồng mua bán số DT-VIN-002-2016-VN ngày 01/7/2016 là 500USD/khối, hoặc giá được khai trên Hóa đơn thương mại của Công ty Duy Tuấn là 810USD/khối.

Từ những lý do trên, Công ty SeaTrans không đồng ý nội dung khởi kiện của Công ty Duy Tuấn. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi, Ng vụ liên quan:* Công ty Vin, Tòa không lấy được lời khai.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến ý kiến:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty Cổ phần vận tải và giao nhận Đông Nam Á phải bồi thường số hàng hóa theo 5 vận đơn là 386.369USD, quy đổi thành tiền Việt Nam là đồng.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa ngày 12/7/2018, bị đơn Công ty SeaTrans yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đưa Công ty Vin vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, Ng vụ liên quan trong vụ án, Đồng thời Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định đề nghị tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ việc Công ty Vin đã thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty Duy Tuấn hay chưa theo đó Công ty Duy Tuấn có bị tổn thất trong các hợp đồng vận chuyển hay không nên HĐXX đã quyết định tạm ngừng phiên tòa và tiến hành các thủ tục tố tụng đối với đương sự là người nước ngoài. Tuy nhiên Công ty Vin không hợp tác làm việc, không khai báo và không cung cấp chứng cứ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định căn cứ vào quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố

tụng dân sự xét xử vắng mặt Công ty Vin. Người đại diện theo ủy quyền của Công ty SeaTrans là ông Ngô Thành lễ, được Tr tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Lễ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình thực hiện giao dịch về việc vận chuyển hàng hóa theo vận đơn, Công ty Duy Tuấn căn cứ vào Booking Confirmation và Bookinh note (Phiếu xác nhận đặt chỗ của hãng tàu) do Công ty SeaTrans chuyển đến bằng Email nên Công ty Duy Tuấn đã đóng hàng (gỗ) vào các con-ten-nơ tại bãi hàng ở Cảng Q và giao cho Công ty SeaTrans để chuyển sang Ấn Độ giao cho khách hàng, đồng thời Công ty SeaTrans đã cấp cho Công ty Duy Tuấn 05 bộ vận đơn (mỗi bộ vận đơn có 03 bản gốc) vận tải đa phương thức ở dạng chuyển nhượng được bao gồm: Vận đơn số STVN-161101 ngày 07/11/2016; Vận đơn số STVN-161102 ngày 07/11/2016; Vận đơn số STVN-161101 ngày 07/11/2016; Vận đơn số STVN-161107A ngày 07/11/2016 và Vận đơn số STVN-161107B: 2914 Rol/106.1412 CBM, điều đó chứng tỏ Công ty Duy Tuấn đã giao đủ số hàng hóa theo 5 bộ vận đơn cho Công ty SeaTrans và Ng vụ của Công ty SeaTrans là phải vận chuyển toàn bộ số hàng hóa này đến người nhận hàng và chuyển đổi 5 bộ vận đơn gốc này thành các chứng từ thanh toán. Tại khoản 2 Điều 536 của Bộ luật dân sự N 2005 đã quy định: “ 2. *Vận đơn hoặc chứng từ vận chuyển tương đương khác là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng giữa các bên.*” và tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số: 87/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chh Phủ (viết tắt là Nghị định 87) về Vận tải đa phương thức đã quy định: “*Chứng từ vận tải đa phương thức là văn bản do người kinh doanh vận tải phát hành, là bằng chứng của Hợp đồng vận tải đa phương thức đã nhận hàng để vận chuyển...*”. Do đó, mặc dù, giữa Công ty Duy Tuấn và Công ty SeaTrans không ký kết hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng văn bản, nhưng theo các quy định như trên thì việc Công ty SeaTrans cấp cho Công ty Duy Tuấn 05 bộ vận đơn, Chh là bằng chứng thể hiện hai Công ty đã ký kết hợp đồng nên việc Công ty SeaTrans cho rằng không ký hợp đồng vận chuyển với Công ty Duy Tuấn là không có cơ sở.

[2.2] Khoản 2 Điều 73 Bộ luật hàng hải quy định: “*Vận đơn là bằng chứng về sở hữu hàng hóa dùng để định đoạt, nhận hàng và là bằng chứng của hợp đồng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển*”. Khoản 1 Điều 15 của Nghị định 87 về Vận tải đa phương thức quy định: “*Chứng từ vận tải đa phương thức là bằng chứng ban đầu về việc người kinh doanh vận tải đa phương thức đã tiếp nhận hàng hóa để vận tải như đã nêu trong chứng từ vận tải đa phương thức, trừ trường hợp chứng minh ngược L*”. Do đó, các bộ chứng từ do Công ty SeaTrans cấp cho Công ty Duy Tuấn nêu trên là bằng chứng về việc Công ty SeaTrans đã tiếp nhận hàng hóa để vận tải như đã nêu trong các bộ chứng từ đó. Công ty Duy Tuấn đã gửi Giấy đề nghị nhờ thu xuất khẩu kèm với bộ chứng từ gốc cho Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Ta để gửi thư đòi tiền đến Ngân hàng nước ngoài nhờ thu tiền các lô hàng xuất khẩu, nhưng chờ lâu mà chưa nhận được tiền thanh toán nên đã đề nghị Công ty SeaTrans phải giữ hàng L và chỉ được giải

phóng hàng cho nhà nhập khẩu khi nào họ đã thanh toán để đổi lấy các bộ chứng từ. Cũng theo nội dung các Email do Công ty SeaTrans gửi cho Đại lý của Công ty SeaTrans và ngược L, thì đủ cơ sở khẳng định rằng: Đại lý của Công ty SeaTrans đã làm mất hàng hoặc có những hành vi nào đó sai sót, gây thiệt hại đối với lô hàng của Công ty Duy Tuấn, khiến cho Công ty SeaTrans đã gửi thông báo có thể khởi kiện đại lý của mình và cho đến nay Công ty Duy Tuấn vẫn chưa nhận được tiền thanh toán từ số hàng hóa của 05 bộ vận đơn nói trên. Tại Điều 17 Nghị định 87 quy định: “*Người kinh doanh vận tải phải chịu trách nhiệm về hàng hóa kể từ khi tiếp nhận hàng cho đến khi giao trả hàng cho người nhận hàng*”. Tại điểm c khoản 2 Điều 19 của Nghị định 87 quy định: “*Khi chứng từ vận tải đa phương thức đã được phát hành dưới dạng chuyển nhượng được, việc giao trả hàng quy định như sau: Chứng từ ở hình thức “Theo lệnh của người có tên trong chứng từ gốc” thì hàng hóa được giao trả cho người chứng minh được mình là người có tên trong chứng từ và xuất trình một bản chứng từ gốc*”; Tại Khoản 2 Điều 21 của Nghị định này cũng quy định: “*2. Hàng hóa bị coi là mất nếu chưa được giao trả trong vòng 90 ngày (kể cả ngày nghỉ) tiếp sau ngày giao trả hàng đã được thỏa thuận trong hợp đồng hoặc thời gian hợp lý như nêu tại điểm b khoản 1 Điều này, trừ trường hợp người kinh doanh vận tải đa phương thức có bằng chứng chứng minh ngược L*”. Tại mặt trước của 05 bộ vận đơn cũng đã ghi rõ: “*Một trong những vận đơn gốc phải được thu hồi bất kỳ vận đơn nào nhưng L không thể cho biết tình trạng thực tế của lô hàng*” và theo quy định tại khoản 1 Điều 18 nghị định 87 thì : “*1. Người kinh doanh vận tải đa phương thức phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi và sai sót của người làm công hoặc đại lý của mình, khi họ đã hành động trong phạm vi được thuê, hoặc mọi hành vi và sai sót của bất cứ người nào khác mà người kinh doanh vận tải đa phương thức sử dụng dịch vụ của họ để thực hiện hợp đồng vận tải đa phương thức.*”. Như vậy, việc Công ty Duy Tuấn không được thanh toán tiền hàng từ 05 bộ vận đơn là hoàn toàn do lỗi của đại lý của Công ty SeaTrans. Do đó, Công ty Duy Tuấn khởi kiện yêu cầu Công ty SeaTrans phải bồi thường giá trị của số hàng hóa đã mất theo 05 vận đơn với số tiền 386.369USD, **quy đổi thành tiền Việt Nam là đồng là có căn cứ**, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về việc Công ty SeaTrans cho rằng Công ty Vin đã thanh toán xong tiền hàng của 05 bộ vận đơn Công ty Duy Tuấn, HĐXX thấy rằng: Giữa Công ty Duy Tuấn và Công ty Vin có ký kết hợp đồng mua bán gỗ veneer. Tuy nhiên, trong hợp đồng và phụ lục của hợp đồng và các văn bản kèm theo giữa Công ty Duy Tuấn và Công ty Vin không có nội dung nào đề cập đến việc vận tải hàng hóa của Công ty SeaTrans, cũng không có chứng cứ gì thể hiện Công ty Vin có tham gia hoặc liên quan gì đến việc Công ty Duy Tuấn thuê Công ty SeaTrans vận tải hàng hóa. Mặt khác, như đã phân tích ở trên, việc thu hồi vận đơn gốc giao L cho Công ty Duy Tuấn là thuộc về trách nhiệm của Công ty SeaTrans, Công ty Vin không liên quan gì trong việc này. Hơn nữa, Công ty SeaTrans cũng không có chứng cứ gì để chứng minh rằng mình có quyền lợi, Ng vụ hoặc có liên quan gì trong việc mua bán gỗ giữa Công ty Duy Tuấn và Công ty Vin, cũng như việc Công ty Duy Tuấn

đã được thanh toán tiền từ 05 bộ vận đơn gốc của 14 con-tai-nơ hàng hóa mà Công ty SeaTrans đã vận chuyển cho Công ty Duy Tuấn. Do đó, Công ty SeaTrans cho rằng Công ty Vin đã thanh toán xong tiền hàng của 05 bộ vận đơn Công ty Duy Tuấn là không có căn cứ.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty Duy Tuấn là có căn cứ nên được HĐXX chấp nhận.

[5] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Theo quy định tại các Điều 147, 153 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, thì Công ty SeaTrans phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng cũng như về việc giải quyết vụ án, là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 30, 37, 147, 153, điểm b khoản 2 Điều 227, điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự N 2015; các điều 535, 536, 539, 542, 546 của Bộ luật Dân sự N 2005; Các điều 530, 531, 534, 541 của Bộ luật Dân sự N 2015; Khoản 2 Điều 73 Bộ luật hàng hải; Nghị định số: 87/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chh Phủ; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa XIV.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn Duy Tuấn.

**2.** Buộc Công ty Cổ phần vận tải và giao nhận Đông Nam Á (SeaTrans) phải bồi thường số hàng hóa đã bị mất theo 5 vận đơn có giá trị là 386.369 USD (Ba trăm tám mươi S1 ngàn ba trăm S1 mươi Ch đô la Mỹ), quy đổi thành tiền Việt Nam tại thời điểm xét xử sơ thẩm là đồng ( ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự N 2015.

**3.** Về án phí, chi phí tố tụng khác:

**3.1** Về án phí:

- Công ty Cổ phần vận tải và giao nhận Đông Nam Á phải chịu.....đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty TNHH Duy Tuấn 2.725.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số: 0009453 ngày 12/12/2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3.2 Về chi phí tố tụng khác: Công ty Cổ phần vận tải và giao nhận Đông Nam Á phải chịu 3.200.000 đồng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo các Biên lai thu tiền phí, lệ phí số: 0001411 và 05999 ngày 14/9/2018. Số tiền này Công ty Cổ phần vận tải và giao nhận Đông Nam Á đã nộp chi xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trình hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HĐ XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng

Ngô Thanh Lý

Võ Công Phương

*Nơi nhận:*

- Tòa án NDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Công Phương**

